TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/DS-ST
Ngày: 29/4/2021.
V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phượng Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Đình Nhân.

2. Bà Đinh Thị Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Lan Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 29/4/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 397/2020/TLST–DS ngày 24/11/2020 về việc: Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐXXST-DS ngày 24/3/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Thu H sinh năm 1973; Cư trú tại: Xóm 1, thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Vợ chồng bà Lương Thị Thu N sinh năm 1972 và ông Phan Hải T sinh năm 1971; Cùng trú tại: Xóm 1, thôn B, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, bà H và bà N có mặt, ông T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Thu H:

Ngày 20/12/2018 bà cho vợ chồng bà Lương Thị Thu N và ông Phan Hải T vay số tiền 130.000.000 đồng, có giấy viết tay vay tiền. Số tiền này bà đã đòi nhiều lần nhưng bị đơn bà N và ông T không trả.

Nay bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà N và ông T trả cho bà số tiền gốc 130.000.000 đồng. Bà không yêu cầu tiền lãi.

Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì khác.

- Ý kiến của bị đơn vợ chồng bà Lương Thị Thu N và ông Phan Hải T:

Bà N và ông T đã được Tòa án triệu tập đến làm việc nhiều lần nhưng bà N và ông T vẫn không đến làm việc, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đến ngày 29/4/2021 (buổi sáng) bà N đến Tòa án làm việc và bà N viết bản tự khai gửi cho Tòa án. Tại bản tự khai ngày 29/4/2021 bà N trình bày: Bà có nợ bà Võ Thị Thu H 130.000.000 đồng, bà đồng ý trả nợ cho bà H nhưng vì kinh tế khó khăn nên bà xin được trả dần cho bà H.

Ngoài ra, bà N không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho đương sự vắng mặt theo quy định; Do bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:

- *Việc tuân theo pháp luật:* Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã đúng thành phần và thực hiện các yêu cầu về trình tự thủ tục từ khai mạc phiên tòa, thủ tục xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm đúng trình tự quy định; Thư ký tuân thủ đúng theo Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn ông T không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc vợ chồng bà N và ông T trả cho bà H số tiền 130.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án về việc: Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản giữa nguyên đơn bà Võ Thị Thu H với bị đơn vợ chồng bà Lương Thị Thu N và ông Phan Hải T theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Phan Hải T vắng mặt dù được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông T là phù hợp.

[2] Về nội dung: Bà H khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà N và ông T trả cho bà số tiền nợ gốc 130.000.000 đồng, bà không yêu cầu tiền lãi. Bị đơn bà N thừa nhận có nợ bà H 130.000.000 đồng nợ gốc, bà đồng ý trả nợ cho bà H, bị đơn ông T không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H thấy rằng: Tại giấy vay tiền ngày 20/12/2019 (AL) nội dung: bà N mượn của bà H số tiền 130.000.000 đồng (ngày mượn 20/12/2018). Tại tòa, bà H và bà N cho rằng khi vay mượn số tiền 130.000.000 đồng vào ngày 20/12/2018 các bên không viết giấy tờ với nhau. Đến ngày 20/12/2019 (AL) các bên mới viết giấy vay tiền. Bà N thừa nhận nợ bà H 130.000.000 đồng và đồng ý trả.

Do trong giấy vay tiền có chữ ký của bà Lương Thị Thu N và chữ ký của ông Phan Hải T nên việc bà H khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà N và ông T trả cho bà nợ gốc 130.000.000 là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn: 130.000.000 đồng x 5% = 6.500.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn bà H trình bày, do bà N hiện có điều kiện kinh tế khó khăn nên bà nhận chịu toàn bộ số tiền án phí sơ thẩm 6.500.000 đồng cho bị đơn. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn bà H, không trái quy định của pháp luật nên được ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự 2008;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Thu H với bị đơn vợ chồng bà Lương Thị Thu N và ông Phan Hải T về việc: Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

Buộc bị đơn vợ chồng bà Lương Thị Thu N và ông Phan Hải T phải trả cho nguyên đơn bà Võ Thị Thu H số tiền nợ gốc 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Võ Thị Thu H nhận chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 6.500.000 đồng (sáu triệu năm trăm nghìn đồng). Bà Võ Thị Thu H đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí 3.250.000 đồng (ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0000813 ngày 24/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng được chuyển thu. Bà Võ Thị Thu H còn phải nộp thêm 3.250.000 đồng (ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Bị đơn vợ chồng bà Lương Thị Thu N và ông Phan Hải T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà H, bà N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông T vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THA DS huyện Đ;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu HS, AV.

Lê Thị Phượng Diễm